

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN NGÔN NGỮ ANH TẠI ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Ngô Ngọc Thảo

Trường Đại học Bạc Liêu – Khoa khoa học xã hội

Trần Thanh Lâm

Trường Đại học Bạc Liêu – Khoa Sư phạm

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Bạc Liêu. Sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, nhóm tác giả khảo sát 120 sinh viên và phỏng vấn 10 giảng viên. Kết quả cho thấy sinh viên còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và động lực nghiên cứu, chủ yếu do chương trình đào tạo chưa phù hợp, thiếu trải nghiệm thực tiễn, môi trường học thuật còn hạn chế và cơ chế khuyến khích chưa hiệu quả. Từ đó, nghiên cứu đề xuất bốn giải pháp: (1) xây dựng học phần phương pháp nghiên cứu khoa học; (2) thành lập nhóm nghiên cứu sinh viên có giảng viên hướng dẫn; (3) tổ chức các hoạt động học thuật hỗ trợ nghiên cứu; và (4) hoàn thiện cơ chế hỗ trợ và ghi nhận kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến chương trình đào tạo và phát triển năng lực nghiên cứu cho sinh viên.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học; năng lực nghiên cứu; sinh viên Ngôn ngữ Anh; Đại học Bạc Liêu

PROPOSED SOLUTIONS FOR ENHANCING SCIENTIFIC RESEARCH CAPACITY AMONG ENGLISH STUDIES STUDENTS AT BAC LIEU UNIVERSITY

Thao Ngoc Ngo

Bac Lieu University - Faculty of Social Sciences

Lam Thanh Chan

Bac Lieu University - Faculty of Education

Abstract: This study aims to assess the current state and propose solutions to enhance research competence among English studies students at Bac Lieu University. Employing a mixed-methods approach, the researchers surveyed 120 students and interviewed 10 lecturers. The findings reveal that students lack essential knowledge, skills, and motivation for conducting research. Key contributing factors include an inadequate curriculum, limited research experience, an underdeveloped academic environment, and ineffective incentive mechanisms. Based on these insights, the study proposes four key solutions: (1) integrating a research methodology course into the curriculum; (2) establishing student research groups with faculty supervision; (3) organizing academic activities that support research engagement; and (4) improving support mechanisms and recognition for research outcomes. The study provides practical implications for improving the training program and fostering students' research capacity.

Keywords: scientific research, research capacity, English studies student, Bac Lieu University

Nhận bài: 20/05/2025

Phản biện: 20/06/2025

Duyệt đăng: 25/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, năng lực nghiên cứu khoa học ngày càng trở nên thiết yếu, không chỉ đối với các nhà nghiên cứu mà còn với sinh viên (SV) – đặc biệt là SV ngành Ngôn ngữ Anh. Việc rèn luyện năng lực này không chỉ giúp nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Tuy nhiên, SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Bạc Liêu vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện nghiên cứu khoa học. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như thiếu tài liệu, chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp nghiên cứu, hoặc thiếu động lực tham gia hoạt động học thuật. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo mà còn cản trở cơ hội phát triển nghề nghiệp của SV sau tốt nghiệp.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này hướng đến việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Bạc Liêu. Các khuyến nghị sẽ được xây dựng trên cơ sở phân tích thực trạng năng lực hiện có, với kỳ vọng góp phần trang bị cho SV những kỹ năng nghiên cứu cần thiết, thúc đẩy sự phát triển học thuật và nghề nghiệp trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về năng lực nghiên cứu khoa học

Năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) là tổng hòa kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để người học thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu. Theo Biggs (1999), năng lực này bao gồm khả năng xác định vấn đề, thu thập và phân tích dữ liệu, áp dụng phương pháp nghiên cứu phù

hợp và trình bày kết quả một cách khoa học. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, NCKH đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng phân tích ngôn ngữ, văn hóa (McKinney, 2010). Trần Bá Hoành (2003) nhấn mạnh rằng NCKH là một năng lực tích hợp, được hình thành thông qua quá trình học tập, thực hành và tương tác trong môi trường học thuật.

2.1.2. Năng lực nghiên cứu khoa học của SV ngành Ngôn ngữ Anh

Nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng đánh giá thông tin (Hattie & Timperley, 2007). Theo Healey và cộng sự (2014), việc tiếp cận NCKH từ bậc đại học giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, NCKH còn giúp củng cố năng lực tiếng Anh học thuật và hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp liên văn hóa (Kuhlthau, 2004).

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu khoa học của SV

Theo Biggs (1999), năng lực NCKH của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi ba nhóm yếu tố chính:

Yếu tố cá nhân: Gồm động lực học tập, trình độ ngôn ngữ, tư duy phản biện và thói quen học tập, đóng vai trò quyết định trong việc hình thành năng lực nghiên cứu.

Yếu tố chương trình đào tạo: Bao gồm nội dung và phương pháp giảng dạy, mức độ tích hợp các học phần nghiên cứu, cũng như phương thức đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Yếu tố môi trường học thuật: Liên quan đến sự hỗ trợ của giảng viên, cơ sở vật chất, tài nguyên học thuật và các hoạt động như hội thảo, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học sinh viên.

2.1.4. Vai trò của GV và cơ sở đào tạo trong việc phát triển năng lực nghiên cứu

Creswell (2014) khẳng định vai trò trung tâm của giảng viên trong việc phát triển năng lực NCKH, thông qua việc khơi gợi đam mê nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp luận và hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hành nghiên cứu. Giảng viên có thể tích hợp NCKH vào giảng dạy thông qua các học phần chuyên môn, hướng dẫn đề tài và thiết kế hoạt động học tập theo định hướng nghiên cứu. Đồng thời, cơ sở đào tạo cần tạo điều kiện thuận lợi bằng cách ban hành chính sách hỗ trợ NCKH, cung cấp cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động học thuật nhằm xây dựng môi trường nghiên cứu tích cực cho sinh viên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng mô tả và phân tích, nhằm đánh giá thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Bạc Liêu, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực này. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp định lượng và định tính, được áp dụng để đảm bảo tính khách quan và toàn diện trong thu thập và phân tích dữ liệu.

2.2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm:

Đối tượng nghiên cứu gồm 120 sinh viên năm 3 và năm 4 ngành Ngôn ngữ Anh, cùng 10 giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn NCKH trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào mức độ nhận thức, kỹ năng, khó khăn và nhu cầu của sinh viên trong hoạt động NCKH; đồng thời khảo sát quan điểm của giảng viên về nguyên nhân và giải pháp nâng cao năng lực này.

2.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Ba phương pháp thu thập dữ liệu chính được sử dụng:

Khảo sát bằng bảng hỏi: Thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, tập trung vào nhận thức, kỹ năng, khó khăn và đề xuất giải pháp. Bảng hỏi được phát hành trực tiếp và trực tuyến, thu về 120 phiếu hợp lệ.

Phỏng vấn bán cấu trúc: Thực hiện với 10 giảng viên nhằm khai thác sâu quan điểm chuyên môn về năng lực NCKH của sinh viên và các giải pháp từ thực tiễn giảng dạy.

Phân tích tài liệu: Bao gồm đề tài nghiên cứu của sinh viên trong ba năm gần nhất, kế hoạch giảng dạy, đề cương học phần và các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH.

2.2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu định lượng được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 26.0. Các phép thống kê mô tả như tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình đã được sử dụng để phân tích đặc điểm và xu hướng từ mẫu khảo sát.

Dữ liệu định tính từ phỏng vấn và phân tích tài liệu được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung, thông qua quy trình mã hóa mở, mã hóa trục và xác định chủ đề nhằm trích xuất các khái niệm, mẫu hình và ý nghĩa liên quan đến năng lực NCKH cũng như các giải pháp phát triển phù hợp với bối cảnh đào tạo hiện nay.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của SV ngành Ngôn ngữ Anh

2.3.1.1. Kết quả khảo sát định lượng

a) Nhận thức và kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học

Kết quả từ cuộc khảo sát với 120 SV ngành

Ngôn ngữ Anh cho thấy nhận thức về NCKH tương đối tích cực. Cụ thể, 68,3% SV cho biết họ hiểu rõ khái niệm NCKH, trong khi 84,2% bày tỏ mong muốn tham gia nếu có sự hướng dẫn cụ thể. Tuy nhiên, chỉ có 27,5% từng tham gia nghiên cứu dưới bất kỳ hình thức nào.

Bảng 1. Nhận thức và kinh nghiệm NCKH của SV

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý (%)
Hiểu rõ khái niệm về NCKH	68,3%
Đã từng học học phần phương pháp NCKH	35,8%
Đã từng tham gia nghiên cứu khoa học	27,5%
Sẵn sàng tham gia nếu được hướng dẫn	84,2%

Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng cách rõ rệt giữa nhận thức và hành động trong hoạt động nghiên cứu của SV. Dù nhu cầu và sẵn lòng học hỏi thể hiện rất rõ, nhưng việc thiếu cơ hội học hỏi bài bản, trải nghiệm thực tế và sự hỗ trợ từ người hướng dẫn đã khiến cho tỷ lệ SV tiếp cận với NCKH bị hạn chế. Đây là một

vấn đề cần giải quyết thông qua việc cải tiến chương trình đào tạo và phát triển môi trường học thuật hỗ trợ.

b) Kỹ năng nghiên cứu hiện có

Khi tự đánh giá khả năng của bản thân, SV cảm thấy tự tin chỉ với một số kỹ năng nền tảng, trong khi những kỹ năng chuyên môn sâu vẫn còn yếu.

Bảng 2. Tỷ lệ SV tự đánh giá kỹ năng NCKH ở mức “Tốt” và “Rất tốt”

Kỹ năng	Tỷ lệ (%)
Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	49,2%
Viết đề cương nghiên cứu	22,5%
Thiết kế bảng hỏi, khảo sát	26,7%
Phân tích dữ liệu bằng Excel/SPSS	18,3%
Viết báo cáo nghiên cứu bằng tiếng Anh	21,7%

Sự khác biệt rõ rệt giữa kỹ năng nền tảng và kỹ năng học thuật chuyên sâu cho thấy SV chưa được trang bị đầy đủ để thực hiện một quy trình nghiên cứu hoàn chỉnh. Đặc biệt, tỷ lệ SV có khả năng phân tích dữ liệu hoặc viết báo cáo nghiên cứu bằng tiếng Anh – những kỹ năng cốt lõi của ngành học – đều dưới 25%. Điều này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết trong việc tích hợp các hoạt động đào tạo thực hành nghiên cứu ngay từ những năm đầu đại học.

c) Những khó khăn khi thực hiện nghiên cứu khoa học

Khi được hỏi về các rào cản, SV chỉ ra nhiều khó khăn liên quan đến chuyên môn, hỗ trợ học thuật và động lực cá nhân. Ba nhóm khó khăn chính được xác định bao gồm: năng lực chuyên môn hạn chế, thiếu sự hỗ trợ từ GV và môi trường học thuật chưa đủ điều kiện. Đặc biệt, gần một nửa SV cho biết họ chưa thấy rõ giá trị thực tiễn của NCKH, cho thấy rằng SV cần được định hướng rõ hơn về vai trò của NCKH đối với sự phát triển học

thuật và nghề nghiệp trong tương lai.

2.3.1.2. Kết quả phân tích định tính từ phỏng vấn GV

Để hiểu rõ hơn nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong năng lực NCKH và đề xuất giải pháp phù hợp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 10 GV có kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu cho SV. Phân tích dữ liệu theo phương pháp phân tích chủ đề cho thấy ba nhóm nội dung chính:

Chủ đề 1: Thực trạng năng lực nghiên cứu của SV

Các GV đều cho rằng SV hiện tại thiếu nền tảng về phương pháp luận và kỹ năng triển khai đề tài. Dù một số SV thể hiện sự chủ động và tư duy tốt, họ lại không biết cách phát triển ý tưởng thành một quy trình nghiên cứu đúng chuẩn.

“Phần lớn SV nhầm lẫn giữa bài tập môn học và đề tài nghiên cứu. Họ viết rất lỏng lẻo, thiếu dẫn chứng, và không có kỹ thuật xử lý dữ liệu.” - GV 01.

Chủ đề 2: Nguyên nhân hạn chế

Nguyên nhân chính được xác định bao gồm: không có môn học NCKH riêng biệt, thiếu chính sách hỗ trợ GV hướng dẫn SV, và bản thân SV thiếu động lực học thuật. “Trong chương trình hiện tại, nghiên cứu chỉ được lồng ghép, không có môn học riêng. Các em học qua loa nên không thực hành được.” - GV 03.

“Nếu có chính sách quy đổi giờ giảng cho hướng dẫn đề tài thì GV sẽ tích cực hơn.” - GV 08.

Chủ đề 3: Giải pháp đề xuất

Các giải pháp được đề xuất bao gồm: xây dựng mô học phần bắt buộc về phương pháp NCKH, tạo các nhóm nghiên cứu SV có GV cố vấn, tổ chức seminar chuyên đề, và thiết lập cơ chế khen thưởng cho các đề tài nghiên cứu.

“Chúng tôi cần một môn ‘Phương pháp Nghiên cứu Ngôn ngữ’ thực sự bài bản, để SV được học lý thuyết và thực hành từ năm 2.” - GV 02.

“Ngày hội NCKH hoặc giải thưởng nhỏ cho đề tài hay sẽ giúp SV có thêm động lực.” - GV 06.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy một nghịch lý đáng quan tâm: mặc dù sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và thể hiện mong muốn tham gia, SV lại thiếu kiến thức nền tảng, kỹ năng cần thiết và môi trường hỗ trợ phù hợp để thực hiện. Khoảng cách giữa nhận thức và hành động phản ánh sự bất cập trong cấu trúc chương trình đào tạo và cơ chế hỗ trợ học thuật tại các cơ sở giáo dục.

Cả dữ liệu định lượng và định tính đều cho thấy năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu học thuật. Kết quả này phù hợp với nhận định của Biggs (1999) rằng năng lực học thuật chỉ được phát triển trong môi trường học tập định hướng khả năng, có thực hành thường xuyên và được hướng dẫn rõ ràng.

Đồng thời, nghiên cứu cũng củng cố quan điểm của Healey và cộng sự (2014) rằng việc tích hợp nghiên cứu vào giảng dạy không chỉ nâng cao kỹ năng học thuật, mà còn thúc đẩy tư duy phản biện, tính độc lập và năng lực sáng tạo – những phẩm chất cốt lõi của giáo dục đại học hiện đại.

2.4. Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho SV

Dựa trên kết quả phân tích định lượng, phỏng vấn định tính và đánh giá thực tiễn, nghiên cứu đề xuất bốn giải pháp nhằm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh:

Thứ nhất, tích hợp học phần Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ: Cần đưa vào chương trình đào tạo một học phần chính thức về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục, giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng xây dựng đề cương, thiết kế công cụ khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu. Học phần nên được triển khai từ học kỳ 4 để tạo nền tảng cho các môn chuyên ngành và đề tài nghiên cứu sau này.

Thứ hai, thành lập nhóm nghiên cứu sinh viên có cố vấn: Mô hình nhóm nghiên cứu gồm 3–5 sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên cố vấn sẽ giúp phát triển kỹ năng làm việc nhóm và từng bước tiếp cận quy trình nghiên cứu chuyên nghiệp. Các nhóm nên hoạt động trong 1–2 học kỳ với kế hoạch cụ thể, báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức phản biện nội bộ.

Thứ ba, tổ chức các hoạt động học thuật gắn với nghiên cứu: Đẩy mạnh các hoạt động như hội thảo chuyên đề, tọa đàm về phương pháp nghiên cứu, hoặc ngày hội NCKH sinh viên nhằm tạo diễn đàn trao đổi học thuật và thúc đẩy văn hóa nghiên cứu. Đồng thời, khuyến khích sinh viên tham gia và công bố tại các hội thảo trong và ngoài trường.

Thứ tư, xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu: Cần có chính sách quy đổi giờ hướng dẫn NCKH cho giảng viên và công nhận hoạt động nghiên cứu của sinh viên qua điểm rèn luyện, học bổng hoặc cơ hội trao đổi học thuật. Bên cạnh đó, nên thành lập quỹ hỗ trợ đề tài nghiên cứu sinh viên ở cấp khoa/trường để tài trợ chi phí in ấn, khảo sát và phân tích dữ liệu.

2.5. Kiến nghị

Dựa trên các giải pháp đã nêu, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị đối với các bên liên quan:

Đối với nhà trường:

Thêm học phần Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ như một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Thiết lập cơ chế tài chính, tổ chức và quy đổi hợp lý để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của SV và công nhận vai trò của giáo viên hướng dẫn.

Đối với bộ môn Tiếng Anh:

Chủ động thành lập các câu lạc bộ học thuật và nhóm nghiên cứu SV, cũng như tổ chức định kỳ các hoạt động trao đổi chuyên môn để nuôi dưỡng đam mê nghiên cứu trong SV.

Phân công giáo viên theo nhóm chuyên đề để hỗ trợ SV trong suốt quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Đối với SV:

Tăng cường tự học và tìm hiểu tài liệu học thuật bằng tiếng Anh để nâng cao năng lực đọc hiểu và viết học thuật, những kỹ năng thiết yếu trong NCKH.

Chủ động tham gia các hoạt động học thuật, hội thảo chuyên đề và các nhóm nghiên cứu để tích lũy kinh nghiệm và phát triển tư duy nghiên cứu độc lập.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khảo sát và phân tích thực trạng năng lực NCKH của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Bạc Liêu. Kết quả cho thấy sinh viên có nhu cầu và tiềm năng tham gia NCKH, nhưng đang gặp nhiều trở ngại về

kiến thức, kỹ năng và hỗ trợ học thuật. Thiếu hụt học phần chuyên biệt, hạn chế trong sự hỗ trợ từ giảng viên, và các cơ chế khuyến khích chưa rõ ràng đã ảnh hưởng đến động lực và hiệu quả nghiên cứu của sinh viên. Do đó, tác giả đề xuất bốn nhóm giải pháp thực tiễn: (1) thiết kế học phần về phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ; (2) xây dựng nhóm nghiên cứu sinh viên; (3) tổ chức các hoạt động học thuật thiết thực; và (4) hoàn thiện cơ chế hỗ trợ lâu dài. Hy vọng rằng các kiến nghị này sẽ được xem xét và áp dụng để cải thiện chất lượng đào tạo, giúp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh phát triển năng lực học thuật vững vàng, đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Biggs, J. (1999). *Teaching for quality learning at university: What the student does*. Society for Research into Higher Education & Open University Press.
- Creswell, J. W. (2014). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (4th ed.)*. Sage Publications.
- Hattie, J., & Timperley, H. (2007). *The power of feedback*. *Review of Educational Research*, 77(1), 81-112. <https://doi.org/10.3102/003465430298487>
- Healey, M., Flint, A., & Harrington, K. (2014). *Engagement through partnership: Students as partners in learning and teaching in higher education*. Higher Education Academy.
- Kuhlthau, C. C. (2004). *Seeking meaning: A process approach to library and information services*. Libraries Unlimited.
- McKinney, K. (2010). *Enhancing learning through the scholarship of teaching and learning: The challenges and joys of juggling*. Stylus Publishing.
- Trần Bá Hoàn. (2003). *Dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh*. NXB Giáo dục Việt Nam.